

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – GIA LAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22-4-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – GIA LAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thái.
2. Ông Nguyễn Đình Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 81/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Xuân C, sinh năm 1991; CCCD: 052191003775; địa chỉ: Thôn N, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; CCCD: 052084018318; địa chỉ: Thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Xuân C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh T quen biết nhau một thời gian thì tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, nay là xã T, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng. Quá trình chung sống, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không tôn trọng vợ, không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, có hành vi đánh đập vợ con và hay gây gổ. Mặc dù hai bên đã nhiều lần trao

đổi, khắc phục nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không có hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2011 và cháu Nguyễn Trương Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2021. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T không có mặt tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị C.

Tại biên bản ghi lời khai của cháu Nguyễn Nhật H trình bày: Cháu hiện đang sống cùng mẹ, nếu cha mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án; Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Trương Thị Xuân C được ly hôn với anh Nguyễn Minh T; giao hai con chung cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; về tài sản chung và nợ chung, do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trương Thị Xuân C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con với anh Nguyễn Minh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T cư trú tại thôn L, xã T, tỉnh Gia Lai nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Gia Lai, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ

luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Trương Thị Xuân C và anh Nguyễn Minh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 9 tháng 3 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã P, nay là UBND xã T nên hôn nhân là hợp pháp. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, có hành vi đánh đập vợ con, không tôn trọng vợ, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Mặc dù hai bên đã nhiều lần trao đổi, khắc phục nhưng anh T không thay đổi. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không còn tồn tại. Đối với anh Nguyễn Minh T, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không có ý kiến phản hồi, không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, đánh giá. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, thể hiện ở việc vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau; thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xung đột; đã sống ly thân trong thời gian dài mà không có biện pháp hàn gắn. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Việc anh T không tham gia tố tụng, không thể hiện ý chí đoàn tụ cũng cho thấy không còn thiện chí duy trì quan hệ hôn nhân. Vì vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Xuân C, cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

[4] Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 1 tháng 1 năm 2011 và cháu Nguyễn Trương Quỳnh A, sinh ngày 2 tháng 11 năm 2021. Hiện các cháu đang sống ổn định với chị C. Cháu H có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ. Xét thấy việc giao con cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo sự ổn định về tâm lý, sinh hoạt và quyền lợi mọi mặt của các cháu nên căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Xuân C yêu cầu anh Nguyễn Minh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét thấy, nghĩa vụ cấp dưỡng là nghĩa vụ bắt buộc của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định tại Điều 82, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng minh về thu nhập và khả năng thực tế của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào mức lương tối thiểu vùng tại nơi bị đơn cư trú để làm cơ sở xác định mức cấp dưỡng. Căn cứ Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, mức cấp dưỡng nuôi con không thấp hơn 1/2 tháng lương tối thiểu vùng nơi người có nghĩa vụ cấp dưỡng cư trú. Theo quy định tại Nghị định số 293/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 11 năm 2025, mức lương tối thiểu vùng IV là 3.700.000 đồng/tháng, do đó mức cấp dưỡng tối thiểu là 1.850.000 đồng/tháng. Xét thấy cần đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử buộc anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu

Nguyễn Nhật H và cháu Nguyễn Trương Quỳnh A với mức 2.000.000 đồng/tháng cho mỗi cháu, là phù hợp. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2026 đến khi các cháu đủ 18 tuổi do không xác định được thời điểm anh T vi phạm nghĩa vụ cấp dưỡng.

[6] Về tài sản chung và nợ: Chị Trương Thị Xuân C không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Trương Thị Xuân C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Cho chị Trương Thị Xuân C ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 1 tháng 1 năm 2011 và cháu Nguyễn Trương Quỳnh A, sinh ngày 2 tháng 11 năm 2021 cho chị Trương Thị Xuân C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật H mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trương Quỳnh A mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2026 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Xuân C phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000018 ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

Anh Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 – Gia Lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Tuy Phước Đông, tỉnh Gia Lai (Số 01/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lệ Quyên